

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ  
CHỨNG KHOÁN AN BÌNH  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011**

---

*Hà Nội, tháng 02 năm 2012*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình (Sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch	
Ông Đào Mạnh Kháng	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoài Anh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 22/05/2011
Ông Đặng Quang Minh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2011

#### **Ban kiểm soát**

Ông Phạm Hồng Nam	Trưởng ban	Miễn nhiệm từ ngày 22/05/2011
Ông Dương Minh Đức	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 22/05/2011
Ông Đào Mạnh Vương	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2011
Ông Đoàn Hồng Quân	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 22/05/2011

#### **Ban Giám đốc**

Bà Đặng Thị Hồng Phương	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 28/12/2011
Ông Lê Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 28/12/2011
Ông Đào Mạnh Kháng	Quyền Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 23/05/2011
Ông Trương Xuân Khánh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 19/07/2010
Ông Phan Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 23/05/2011
Ông Phạm Đăng Trường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 23/05/2011
		Miễn nhiệm từ ngày 04/01/2012

#### **Kế toán trưởng**

Bà Mai Thu Trang

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 15 tháng 02 năm 2012, trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc ở trang 2 và 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Chúng tôi không phủ nhận ý kiến trên mà chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính điểm sau:**

Chúng tôi không phủ nhận ý kiến trên mà chỉ lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề xác định chi phí dự phòng giảm giá cho các cổ phiếu OTC, như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính. Theo đó, một số cổ phiếu OTC đang được Công ty tạm thời xác định chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo giá trị tham khảo từ các nguồn thông tin trên thị trường, đối với các cổ phiếu chưa niêm yết còn lại, do không có thông tin tham chiếu trên thị trường nên Công ty phản ánh theo giá gốc



**Nguyễn Thị Phương Thảo**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0933/KTV

**Thay mặt và đại diện cho**

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

**Nguyễn Minh Long**  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0666/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2011 VND</b>	<b>01/01/2011 VND</b>
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>9.880.273.567</b>	<b>15.999.551.031</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>6.841.780.593</b>	<b>3.627.070.272</b>
Tiền mặt tại quỹ	111		7.687.400	23.335.400
Tiền gửi ngân hàng	112		334.093.193	953.734.872
Các khoản tương đương tiền	114		6.500.000.000	2.650.000.000
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.103.673.600</b>	<b>11.653.262.000</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	9	5.133.664.057	11.908.640.483
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	10	(3.029.990.457)	(255.378.483)
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>396.135.413</b>	<b>415.763.440</b>
Phải thu của khách hàng	131		29.781	15.005.500
Phải thu từ hoạt động quản lý quỹ	132		56.195.013	62.302.271
Phải thu khác	134	5	1.127.540.513	1.126.085.563
Dự phòng phải thu khó đòi	135		(787.629.894)	(787.629.894)
<b>Tài sản lưu động khác</b>	<b>150</b>		<b>538.683.961</b>	<b>303.455.319</b>
Tài sản lưu động khác	152	6	538.683.961	303.455.319
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>6.969.199.629</b>	<b>47.444.168.839</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>210</b>		<b>515.201.806</b>	<b>604.116.365</b>
Tài sản cố định hữu hình	211	7	453.815.137	521.289.698
- Nguyên giá	212		1.151.030.412	1.083.831.412
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(697.215.275)	(562.541.714)
Tài sản cố định vô hình	217	8	61.386.669	82.826.667
- Nguyên giá	218		107.200.000	107.200.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(45.813.331)	(24.373.333)
<b>Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác</b>	<b>230</b>		<b>6.157.523.333</b>	<b>9.847.115.140</b>
Đầu tư chứng khoán	231	9	10.466.527.214	13.340.399.495
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	234	10	(4.309.003.881)	(3.493.284.355)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>11</b>	<b>296.474.490</b>	<b>36.992.937.334</b>
Chi phí trả trước	261		286.474.490	36.895.833.334
Các khoản ký quỹ, ký cược	262		10.000.000	97.104.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>16.849.473.196</b>	<b>63.443.719.870</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>12</b>	<b>308.629.629</b>	<b>42.738.744.541</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>305.513.538</b>	<b>42.724.523.450</b>
Phải trả người bán	312		155.608.470	-
Người mua trả tiền trước	313		-	100.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		6.144.979	4.931.783
Phải trả công nhân viên	315		-	54.825.000
Chi phí phải trả	316		18.040.544	31.250.000
Phải trả, phải nộp khác	319		46.369.545	42.454.166.667
Quỹ khen thưởng phúc lợi, ban điều hành	323		79.350.000	79.350.000
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>3.116.091</b>	<b>14.221.091</b>
Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	341		3.116.091	14.221.091
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.540.843.567</b>	<b>20.704.975.329</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>16.540.843.567</b>	<b>20.704.975.329</b>
Nguồn vốn kinh doanh	411		30.000.000.000	30.000.000.000
Quỹ Dự trữ	416		121.800.000	121.800.000
Lỗi lũy kế	417		(13.580.956.433)	(9.416.824.671)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>430</b>		<b>16.849.473.196</b>	<b>63.443.719.870</b>



**Đặng Thị Hồng Phương**  
Quyền Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

**Mai Thu Trang**  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
<b>Doanh thu hoạt động kinh doanh</b>	<b>01</b>	14	<b>39.668.487.813</b>	<b>4.839.552.781</b>
Doanh thu thuần	10		39.668.487.813	4.839.552.781
Chi phí hoạt động kinh doanh	11		37.166.720.801	1.638.166.666
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>12</b>		<b>2.501.767.012</b>	<b>3.201.386.115</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	13	15	140.541.278.291	2.778.279.479
Chi phí tài chính	14	16	142.833.343.272	2.328.131.718
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15	17	4.404.023.892	3.271.671.539
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>16</b>		<b>(4.194.321.861)</b>	<b>379.862.337</b>
Thu nhập khác	17		30.513.519	33.296.493
Chi phí khác	18		323.420	2.348.906
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>19</b>		<b>30.190.099</b>	<b>30.947.587</b>
<b>Tổng (lỗ)/ lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>20</b>		<b>(4.164.131.762)</b>	<b>410.809.924</b>
Thuế TNDN phải nộp	21		-	-
<b>(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>22</b>		<b>(4.164.131.762)</b>	<b>410.809.924</b>



**Đặng Thị Hồng Phương**  
**Quyền Tổng Giám đốc**  
*Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012*

**Mai Thu Trang**  
**Kế toán trưởng**



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Tiền thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư	01	1.613.190.255	40.403.861.685
Tiền thu từ phí tư vấn	02	739.000.000	2.320.000.000
Nhận và trả tiền ký cược, ký quỹ của khách hàng	04	-	100.000.000
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05	15.307.419.084	17.793.971.300
Tiền trả cho người cung cấp	06	(1.584.497.425)	-
Trả lãi tiền vay	07	-	(227.855.577)
Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	08	(2.327.182.800)	(3.460.901.456)
Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	09	(478.458.453)	(89.252.214)
Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10	(5.328.000)	(9.680.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11	(22.360.403.719)	(55.212.310.288)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>	<b>(9.096.261.058)</b>	<b>1.617.833.450</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	31	(74.049.000)	(100.580.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	32	8.750.000	-
Tiền đầu tư chứng khoán	33	(1.979.856.804.051)	(1.108.677.231.733)
Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	34	1.902.367.931.938	1.109.204.656.509
Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37	162.923.920.251	824.570.691
Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38	4.542.417.541	-
Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39	(77.601.195.300)	(4.952.864.017)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>40</b>	<b>12.310.971.379</b>	<b>(3.701.448.550)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	41	-	4.600.000.000
Tiền đi vay	43	-	19.349.444.444
Tiền trả nợ vay	44	-	(19.349.444.444)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>50</b>	<b>-</b>	<b>4.600.000.000</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>60</b>	<b>3.214.710.321</b>	<b>2.516.384.900</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm</b>	<b>70</b>	<b>3.627.070.272</b>	<b>1.110.685.372</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá ngoại tệ	80	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm</b>	<b>90</b>	<b>6.841.780.593</b>	<b>3.627.070.272</b>



**Đặng Thị Hồng Phương**  
Quyền Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 15 tháng 02 năm 2012

**Mai Thu Trang**  
Kế toán trưởng

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015235 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2006, Giấy phép hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán số 12/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006 và Giấy phép điều chỉnh số 86/GPĐC-UBCK ngày 29/12/2010 và Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 01/08/2011 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 12, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Đến ngày 31/12/2011, tổng số vốn điều lệ theo đăng ký của Công ty là 30 tỷ VND chia thành 3.000.000 cổ phần phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 VND, không có cổ phần ưu đãi, chi tiết:

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội sở hữu 1.780.000 cổ phần với tổng mệnh giá 17,8 tỷ đồng, tương đương 59,33% vốn điều lệ của Công ty
- Ngân hàng Thương mại cổ phần An Bình sở hữu 200.000 cổ phần với tổng mệnh giá 2 tỷ VND, tương đương 6,67% vốn điều lệ của Công ty

Tổng số nhân viên của Công ty trung bình năm 2011 là 06 người (năm 2010: 10 người)

#### **1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

### **2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

#### **2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Hệ thống kế toán của Công ty được thiết lập trên cơ sở tuân thủ chế độ kế toán Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 62/2005/QĐ-BTC ngày 14/09/2005 của Bộ Tài chính. Quyết định này quy định Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán bao gồm các quy định được vận dụng từ chế độ kế toán công ty chứng khoán

Công ty cũng đồng thời áp dụng Thông tư số 95/2008/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 thay thế cho Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/6/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Chế độ kế toán công ty chứng khoán. Theo đó, các Chỉ tiêu phản ánh tài sản, công nợ phải trả đối với các nhà ủy thác đầu tư không được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính kèm theo.

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2010.

#### **3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

#### **3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.